

HỢP ĐỒNG CHO VAY

Số:

Hôm nay, ngày .../.../....., tại, các Bên gồm:

- **Bên Cho Vay: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh/Phòng Giao dịch, có mã số Doanh nghiệp là.....do Sở KH&ĐTcấp lần đầu ngày .../.../....., đăng ký bổ sung lầnvào ngày .../.../.....**
- Địa chỉ trụ sở :
- Điện thoại :- Fax:
- Đại diện : Ông/Bà:- Chức vụ:.....

Sau đây gọi là **Bên Ngân hàng**,

- **Bên Vay: Ông.....và Bà**
- Hộ khẩu TT :
- Địa chỉ hiện tại :
- Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD: Ông..... mang Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD số do cấp ngày .../.../.....; Bà mang Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD sốdocấp ngày .../.../.....
- Điện thoại nhà riêng:- Điện thoại di động:
- Email (nếu có):

Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng cho vay ("**Hợp đồng**") này với các nội dung như sau:

Điều 1. Số Tiền Cho Vay, Thời Hạn Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Tiền Vay, Đồng Tiền Cho Vay, Phương Thức Giải Ngân và Phương Thức Cho Vay

1. Số tiền cho vay:(Bằng chữ:.....)
2. Thời hạn cho vay:.....(Bằng chữ:), tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.
3. Mục đích sử dụng tiền vay:..... Bên vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên Ngân hàng về mục đích sử dụng vốn vay của mình.
4. Điều kiện và phương thức giải ngân:
 - a) Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho Bên vay sau khi Bên vay và các bên liên quan (nếu có) đã đáp ứng tất cả các điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật và quy định của Bên Ngân hàng theo sản phẩm cho vay mà Bên vay tham gia. Bên Ngân hàng có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc xảy ra trường hợp bất khả kháng nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên Ngân hàng dẫn đến việc Bên Ngân hàng không thể giải ngân.
 - b) Bên Ngân hàng giải ngân cho Bên vay theo phương thức:
 Giải ngân một lần Giải ngân nhiều lần Bằng tiền mặt

Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên vay

Chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Bên thụ hưởng

Mỗi lần rút vốn vay, Bên vay phải báo trước cho Bên Ngân hàng ít nhất ngày làm việc và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, đồng thời ký Khế ước nhận nợ và các chứng từ liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân hàng. Bên vay chỉ được rút vốn vay trong thời hạn kể từ ngày ký kết Hợp đồng này; sau thời hạn này, Bên vay chỉ được rút vốn nếu được Bên Ngân hàng đồng ý. Bên vay phải rút vốn vay lần đầu trong thời hạn kể từ ngày ký kết Hợp Đồng này, sau thời hạn này, Bên vay chỉ được rút vốn nếu được Bên Ngân hàng đồng ý. Trường hợp Bên vay không rút vốn trong thời hạn nêu trên hoặc Bên vay rút vốn sau thời hạn nêu trên và được Bên Ngân hàng đồng ý, Bên vay phải thanh toán phí cam kết rút vốn theo quy định tại Khoản 5, Điều 2 Hợp đồng này.

c) Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

5. Thỏa thuận khác:

a) Trường hợp Bên Ngân hàng có yêu cầu về việc mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm, Bên vay có nghĩa vụ phải thực hiện việc mua bảo hiểm hoặc bảo đảm Bên thứ ba liên quan mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm theo đúng thời hạn và các điều kiện, yêu cầu của Bên Ngân hàng. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản này, Bên Ngân hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời các biện pháp sau đây:

- Tăng lãi suất cho vay đối với khoản vay của Bên vay;
- Phạt vi phạm đối với Bên vay theo quy định của Hợp đồng này;
- Dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng này.

b) Bên vay đồng ý rằng, khi xảy ra các trường hợp thu hồi nợ trước hạn nêu tại Khoản 1 Điều 6 Hợp đồng này và các trường hợp dưới đây, Bên vay đồng ý để Bên Ngân hàng dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với Bên vay:

- Bên vay hoặc Bên thứ ba là cá nhân (trong trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba) bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân;
- Bên vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ; Bên vay không phối hợp với Bên Ngân hàng trong quá trình Bên Ngân hàng kiểm soát sau vay; hoặc Bên vay không cung cấp cho Bên Ngân hàng báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
- Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên Ngân hàng liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm, ký Hợp đồng bảo hiểm, tái tục/duy trì Hợp đồng bảo hiểm;
- Bên vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước; có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Bên Ngân hàng phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc Bên Ngân hàng phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay.

c) Bên Ngân hàng được quyền:

- Trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc tuân thủ pháp luật bao gồm pháp luật về môi trường của Bên vay;
- Được sử dụng các thông tin về Bên vay và các khoản tín dụng của Bên vay bao gồm cả

các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Bên vay cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng để cung cấp cho các đối tác liên quan có hợp tác với Bên Ngân hàng để phát triển, cung cấp hoặc liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng.

- Được tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay tại Bên Ngân hàng, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên vay trích tiền chuyển cho Bên Ngân hàng để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho Bên Ngân hàng theo Hợp đồng này hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Bên Ngân hàng và Bên vay.
- d) Ngoài các phương thức thông báo nêu tại Điều 13 Hợp đồng này, tùy theo chính sách của Bên Ngân hàng từng thời kỳ, Bên Ngân hàng có thể thông báo cho Bên vay thông qua phương thức niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh của Bên Ngân hàng. Khi gửi thông báo cho Bên vay hoặc đã thông báo trên website của Bên Ngân hàng, Bên Ngân hàng không có nghĩa vụ phải xác minh việc Bên vay đã nhận được các thông báo được Bên Ngân hàng gửi cho Bên vay.
- e) Bằng việc ký kết Hợp đồng này, Bên vay xác nhận rằng Bên vay đã được Bên Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính tiền lãi; loại phí và mức phí; thông tin về Hợp đồng này ...
- f)

Điều 2. Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác

1. Lãi suất cho vay (trong hạn): Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất được Bên Ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng.

Trường hợp Bên vay trả nợ khoản vay trước hạn và thời gian vay thực tế của Bên vay là không quá 15 ngày, Bên vay sẽ phải chịu mức lãi suất cho vay theo ngày với mức bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng nhưng số tiền lãi vay tối thiểu trong mọi trường hợp phải bằng 0,3% giá trị khoản vay theo Hợp đồng này hoặc 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) tùy theo giá trị nào cao hơn.

2. Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại, nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ.
3. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả được xác định như sau:

- a) Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
 - b) Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
4. Phương pháp tính lãi áp dụng đối với dư nợ gốc:
- a) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Số tiền lãi phải trả mỗi kỳ = Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi x Số ngày thực tế của kỳ tính lãi x Lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính lãi /360.
 - b) Tiền lãi sẽ được tính từ khi Bên vay nhận nợ vốn vay cho đến khi Bên vay thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho Bên Ngân hàng, không tính ngày trả nợ.
5. Bên vay phải thanh toán các khoản phí, chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho Bên Ngân hàng theo đúng thời hạn, số lượng và phương thức mà Bên Ngân hàng yêu cầu, cụ thể:
- a) PhíVND (Bằng chữ:), Thời điểm thanh toán:; Phương thức thanh toán:
 - b) PhíVND (Bằng chữ:), Thời điểm thanh toán:; Phương thức thanh toán:

Điều 3. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng này, các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây:
 - a) Thế chấp bằng(ghi tên tài sản)
 - b) Cầm cố bằng(ghi tên tài sản)
 - c) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có).
2. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây được ký kết giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: (i) Hợp đồng bảo đảm (thế chấp/cầm cố/bảo lãnh) số ký ngày/...../.....; (ii) các Hợp đồng bảo đảm ký sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cho vay này; và (iii) các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên.

Điều 4. Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay

1. Bên vay phải thanh toán gốc, lãi của khoản vay cho Bên Ngân hàng theo lịch biểu quy định trong (các) Khế ước nhận nợ. Khế ước nhận nợ là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
2. Các Bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc và/hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Bên Ngân hàng có quyền dừng giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn cho vay nêu tại Khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng này.
3. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, thì Bên vay phải trả nợ vào ngày làm việc liền ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày Bên vay thực tế trả nợ.
4. Trường hợp Bên vay muốn thanh toán nợ cho Bên Ngân hàng trước thời hạn, Bên vay phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên Ngân hàng ít nhất ngày làm việc và phải được Bên Ngân hàng đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản tiền phí trả nợ trước

hạn theo mức quy định như sau:

-
-
5. Bên vay vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó.
 6. Địa điểm thu nợ: Việc thanh toán các khoản nợ của Bên vay được thực hiện tại trụ sở các địa điểm kinh doanh của Bên Ngân hàng.
 7. Phương thức thu nợ: Bên vay có thể thanh toán nợ vay bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua các phương thức thu nợ khác do Bên Ngân hàng triển khai từng thời kỳ. Bên vay có nghĩa vụ mở tài khoản thanh toán tại Bên Ngân hàng và bảo đảm rằng tài khoản này có đủ số dư để Bên Ngân hàng thu nợ khi đến hạn. Bên Ngân hàng có quyền tự động tạm khóa, trích tài khoản nêu trên hoặc bất kỳ tài khoản nào khác (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng để thu nợ đến hạn hoặc để bảo đảm thu nợ. Nếu các tài khoản của Bên vay có loại tiền khác với loại tiền vay và Bên Ngân hàng có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho Bên vay trả nợ, thì Bên Ngân hàng sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên vay theo tỷ giá mà Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, Bên Ngân hàng sẽ yêu cầu Bên vay ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của Bên Ngân hàng, trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, Bên Ngân hàng có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho Bên vay theo quy định tại Hợp đồng này. Việc Bên Ngân hàng bán ngoại tệ để Bên vay trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền Bên vay trả nợ cho Bên Ngân hàng bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Bên Ngân hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo cho Bên vay về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Bên vay chấp nhận việc Bên Ngân hàng phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Bên vay chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).

8. Thứ tự ưu tiên thu nợ: Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:
 - a) Trường hợp khoản vay chưa bị chuyển quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, Bên Ngân hàng sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của Bên Ngân hàng (nếu có), các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.
 - b) Trường hợp khoản vay bị chuyển quá hạn, Bên Ngân hàng sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của Bên Ngân hàng, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.

Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ

1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất là 10 (mười) ngày, nếu Bên vay do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Ngân hàng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. Bên Ngân hàng có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay mà không cần có lý do. Nếu Bên vay được Bên Ngân hàng đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì Bên vay phải chịu mức lãi suất cơ cấu lại theo Điều 2 và Bên vay phải đáp ứng các điều kiện theo thỏa thuận với Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại.
3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của các Bên.

Điều 6. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ

1. Các Bên thống nhất thỏa thuận rằng Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của Bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
 - a) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ;
 - b) Bên vay sử dụng vốn sai mục đích, có hành vi không trung thực, cung cấp thông tin sai sự thật, trốn tránh, thiếu thiện chí với Bên Ngân hàng trong quá trình vay vốn, trả nợ;
 - c) Bên vay bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;
 - d) Thu nhập, tài sản của Bên vay giảm sút; phần lớn tài sản của Bên vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; Bên vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); Bên vay liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay cho Bên Ngân hàng;
 - e) Các tài sản bảo đảm tiền vay bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của Bên Ngân hàng;
 - f) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;
 - Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho Bên Ngân hàng.
 - g) Trường hợp Bên vay có nhiều khoản vay, khoản tín dụng khác tại Bên Ngân hàng, thì nếu có bất kỳ Hợp đồng cho vay, khoản tín dụng nào phát sinh nợ quá hạn hoặc phải trả nợ trước hạn, thì Hợp đồng này có thể chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Bên vay phải thanh toán ngay toàn bộ dư nợ còn lại cho Bên Ngân hàng;
 - h) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với Bên Ngân hàng theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các thỏa thuận khác giữa các Bên;
 - i) Các trường hợp mà Bên Ngân hàng xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, Bên Ngân hàng có quyền căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định ngừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi Bên Ngân hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn, tất cả các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên vay theo Hợp đồng này dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.
3. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp đồng này. Thông báo của Bên Ngân hàng sẽ nêu rõ thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của Bên vay (nếu có). Bên vay cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của Bên Ngân hàng.

4. Xử lý nợ vay: Trường hợp Bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng này, Bên Ngân hàng được quyền áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận theo quy định của Hợp đồng bảo đảm;
 - b) Trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
 - c) Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay tại Bên Ngân hàng;
 - d) Đối trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Ngân hàng đối với Bên vay (nếu có);
 - e) Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với Bên Ngân hàng thì Bên vay cam kết tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho Bên Ngân hàng.

Điều 7. Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi

1. Bên Ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc của Bên vay trong các trường hợp sau:
 - a) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ và không được Bên Ngân hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ;
 - b) Bên vay phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng này nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc theo yêu cầu của Bên Ngân hàng. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà Bên Ngân hàng yêu cầu Bên vay phải trả nợ trước hạn.
2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn, cụ thể như sau:
 - a) Trường hợp Bên vay chậm thanh toán nợ gốc theo các phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp đồng này và (các) Khế ước nhận nợ và Bên Ngân hàng không quyết định thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay trước thời hạn, thì phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn; Phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ vẫn chịu mức lãi suất cho vay trong hạn.
 - b) Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc khi kết thúc thời hạn vay nêu tại Khoản 2 Điều 1 Hợp đồng này, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Bên vay theo Hợp đồng này phải chịu lãi suất quá hạn.
 - c) Trường hợp Bên Ngân hàng yêu cầu Bên vay phải thanh toán toàn bộ dư nợ còn lại trước thời hạn, nếu Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Bên Ngân hàng, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của Bên vay theo Hợp đồng này phải chịu lãi suất quá hạn.
3. Kể từ thời điểm quá hạn, Bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, (các) Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.
4. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp đồng này. Thông báo của Bên Ngân hàng sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ

gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).

5. Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và các thỏa thuận liên quan, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị Bên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đồng thời Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 2 Hợp đồng này.

Điều 8. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Cho Vay

1. Bên vay cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay tại thời điểm đề nghị cho vay bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về điều kiện pháp lý, phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính, điều kiện về tuân thủ pháp luật và cam kết toàn bộ thông tin, tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, chân thực và chính xác. Bên vay chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm cam kết quy định tại Khoản này dẫn đến kết quả thẩm định và quyết định cho vay của Bên Ngân hàng bị ảnh hưởng.
2. Trong quá trình vay vốn, Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông tin, tài liệu quy định dưới đây để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Ngân hàng:
 - a) Các tài liệu liên quan tới việc sử dụng vốn vay và chứng minh Bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
 - b) Báo cáo tình hình thu nhập của Bên vay, nội dung, hình thức và thời gian báo cáo thực hiện theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
 - c) Các thông tin, tài liệu liên quan đến tình trạng của tài sản bảo đảm;
 - d) Các thông tin, tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân hàng.
3. Trường hợp vi phạm các cam kết, nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định tại Điều này, Bên vay đồng ý với các biện pháp xử lý mà Bên Ngân hàng áp dụng đồng thời cam kết thanh toán đầy đủ các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho Bên Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của Các Bên theo Hợp đồng này.

Điều 9. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại

1. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Hợp Đồng này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Bên Ngân hàng và Bên vay, Bên vay phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc phải thanh toán tiền phạt vi phạm như quy định tại Khoản này, Bên vay có nghĩa vụ bồi thường cho Bên Ngân hàng toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà Bên Ngân hàng phải gánh chịu do vi phạm của Bên vay.
2. Khi phát sinh vi phạm, Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí khác và thời hạn thanh toán các khoản tiền này, thông báo này có giá trị ràng buộc nghĩa vụ thanh toán của Bên vay. Ngoài số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường, Bên vay đồng ý bồi hoàn cho Bên Ngân hàng đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư và các chi phí phát sinh khác mà Bên Ngân hàng đã thanh toán trong trường hợp khoản vay không được giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ do lỗi của Bên vay. Việc bồi thường, bồi hoàn sẽ thực hiện theo thông báo của Bên Ngân hàng và Bên Ngân hàng không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào.
3. Thỏa thuận về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại tại Điều này không áp dụng trong trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Hợp đồng này.
4. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của Bên Ngân hàng trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi Bên vay vi phạm theo Hợp đồng này.

Điều 10. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Ngân Hàng

1. Quyền của Bên Ngân hàng:

- a) Từ chối giải ngân tiền vay nếu Bên vay không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của Bên Ngân hàng hoặc trong trường hợp Bên Ngân hàng không thể giải ngân theo quy định của Hợp đồng này;
- b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất khoản vay. Trường hợp, Bên vay không đồng ý với các nội dung điều chỉnh của Bên Ngân hàng, Bên vay có quyền trả nợ trước hạn và không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng.
- c) Được quyền yêu cầu Bên vay sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Bên vay để thanh toán các khoản nợ cho Bên Ngân hàng đầy đủ, đúng hạn;
- d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với Bên vay để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho Bên vay;
- e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- f) Được yêu cầu Bên vay bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho Bên Ngân hàng trong các trường hợp Bên Ngân hàng nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ;
- h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của Bên vay theo Hợp đồng này mà không cần phải có sự đồng ý của Bên vay trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.
- i) Có quyền sử dụng các thông tin về Bên vay và các khoản tín dụng của Bên vay bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Bên vay cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.
- j) Trường hợp Bên vay có nhiều người, thì tất cả các Bên vay phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các Bên vay, Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các Bên vay phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của Bên Ngân hàng:

- a) Giải ngân tiền vay cho Bên vay theo đúng thỏa thuận;
- b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi Bên vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.

3. Bên Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Vay

1. Quyền của Bên vay:

- a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ Bên Ngân hàng theo đúng thỏa thuận;
- b) Được yêu cầu Bên Ngân hàng giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Bên vay (nếu có)

sau khi Bên vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với Bên Ngân hàng.

2. Nghĩa vụ của Bên vay:

- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân hàng trong suốt quá trình vay vốn;
- b) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để Bên Ngân hàng trực tiếp kiểm tra về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- c) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ...để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng này trong các trường hợp Bên Ngân hàng có yêu cầu;
- d) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng này và các văn bản liên quan;
- e) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này và các văn bản liên quan ký giữa các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho Bên Ngân hàng toàn bộ thiệt hại phát sinh, các thiệt hại này có thể bao gồm chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà Bên Ngân hàng phải bồi thường hay chịu phạt với Bên thứ ba do vi phạm của Bên vay trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;
- f) Trường hợp Bên vay được giải ngân vốn vay bằng tiền mặt hoặc được giải ngân vào tài khoản thanh toán của Bên vay, Bên vay cam kết sử dụng vốn vay để thanh toán cho bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc để thanh toán trong các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán cần thiết để Bên Ngân hàng thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Ngân hàng.
- g) Thông báo bằng văn bản cho Bên Ngân hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Xảy ra một trong các trường hợp nêu tại điểm c), d), e) khoản 1, Điều 6 của Hợp đồng này;
 - Bên vay thay đổi Hộ khẩu thường trú, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa hai Bên.
- h) Bên vay đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Bên vay sẽ không được Bên Ngân hàng tiếp tục giải ngân, sẽ bị chấm dứt hạn mức tín dụng (nếu có) và phải thực hiện trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng (nếu đã phát sinh dư nợ):
 - Bên vay không thực hiện rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định trong Hợp đồng này, các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của Bên Ngân hàng.
 - Bên Ngân hàng không thực hiện giải ngân được do Bên vay không đáp ứng đủ các điều kiện giải ngân/cấp tín dụng;
 - Các hồ sơ, thông tin Bên vay cung cấp cho Bên Ngân hàng là không chính xác, không trung thực; Bên Ngân hàng nhận định Bên vay có dấu hiệu gian lận, giả mạo khi vay vốn hoặc tài bảo đảm cho khoản vay của Bên vay có dấu hiệu phát sinh tranh chấp, khiếu nại.

Trong các trường hợp nêu trên, Bên vay cam kết sẽ bồi thường cho Bên Ngân hàng đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng mà Bên Ngân hàng đã thanh toán hoặc phải gánh chịu. Ngoài các chi phí nêu trên, Bên vay phải bồi thường các chi phí, các thiệt hại thực tế khác cho Bên Ngân hàng theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

- i) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được Bên Ngân hàng đồng ý bằng văn bản.
3. Bên vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, các văn bản khác ký kết với Bên Ngân hàng và theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp

1. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được Các Bên bàn bạc xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.
2. Trường hợp Các Bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong Các Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các Bên thống nhất rằng, địa chỉ của Các Bên như nêu tại phần đầu của Hợp đồng này là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản, thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Bên vay kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay.

Điều 13. Trao Đổi Thông Tin

1. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay các vấn đề liên quan tới khoản vay theo Hợp đồng này cũng như các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của Bên Ngân hàng đối với các khoản vay theo Hợp đồng này bằng một trong các phương thức liên hệ do Bên Ngân hàng triển khai từng thời kỳ bao gồm phương thức gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của Bên vay, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Bên vay, gửi email tới Bên vay và thông báo trên website chính thức của Bên Ngân hàng (website: www.vpbank.com.vn).
2. Các Bên thống nhất đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại và email của Bên vay như nêu tại Khoản 1 nêu trên là địa chỉ, số điện thoại và email của Bên vay như nêu tại phần đầu của Hợp đồng này. Bên vay được coi là đã nhận được thông báo của Bên Ngân hàng khi Bên Ngân hàng đã thông báo bằng các phương thức nêu trên tới địa chỉ, số điện thoại, email của Bên vay. Trường hợp Bên vay có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với Bên Ngân hàng thì phải thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên Ngân hàng có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như Bên vay đã nhận được thông báo khi Bên Ngân hàng thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc Bên vay.
3. Bên vay được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Bên Ngân hàng nếu Bên vay tiếp tục duy trì khoản vay tại Bên Ngân hàng sau 01 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo. Nếu Bên vay không đồng ý với các nội dung sửa đổi, điều chỉnh của Bên Ngân hàng, Bên vay được quyền trả nợ trước hạn và không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng.

Điều 14. Điều Khoản Thi Hành

1. Các Bên thống nhất thực hiện theo đúng các thỏa thuận tại Hợp đồng này, các Khế ước nhận nợ

và các cam kết, thỏa thuận khác nhằm thực hiện Hợp đồng giữa các Bên (nếu có) được lập bằng văn bản hoặc bằng phương thức khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp có điều khoản nào đó của Hợp đồng này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng, được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ 01 bản, Bên Ngân hàng giữ 03 bản.
4. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

BÊN VAY
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN NGÂN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)